

Số: 58/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Lai Châu, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Ông Phạm Minh S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N là vợ chồng hợp pháp theo Giấy đăng ký kết hôn số: 09, ngày 14/3/1994 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu). Đến nay, ông S và bà N đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chịu lệ phí việc Hôn nhân và gia đình; **Không yêu cầu Tòa án**

giải quyết việc nuôi con chung do các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân; Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những nội dung thỏa thuận nêu trên được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N có 02 con chung tên là Phạm Quang H, sinh ngày 06/10/1994 và Phạm Lê Kim L, sinh ngày 07/10/2003.

Hiện nay cả hai con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Minh S và bà Lê Thị N thỏa thuận, ông S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận ông Phạm Minh S đã nộp đủ số tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số: 0001313 ngày 12/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga